TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 01 – 2022

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Bà Đỗ Thị Giờ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Xà Phiên, huyện LM, HG.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Xà Phiên, huyện LM, HG.

Chổ ở hiện nay: Ấp 4, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trương Thanh V, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy – Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang. (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hùng: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

(Văn bản uỷ quyền ngày 13/10/2021).

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

3.3. Anh Lê Thanh N, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

3.4. Ông Trần Văn K, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG.

3.5. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại - Sản xuất Tol Sơn Hảo.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thụy Nguyệt H, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 2, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Trúc T, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Số 48/12K Trung Đông 2, Thới Tam Thôn, H.Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Phương C. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực Thạnh Hiếu, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1952. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Văn V (gọi tắt là anh V) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 anh V và chị Nguyễn Thị Hồng N (gọi tắt là chị N) tự nguyện kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên vào năm 2017. Anh chị sống chung với nhau có 01 con chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, nên anh chị đã không còn sống chung với nhau từ khoảng cuối tháng 10 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Lan V (giới tính: nữ), sinh ngày 01/12/2018, hiện nay con chung đang sống chung với chị N. Khi ly hôn anh V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh V cho rằng trong thời gian sống chung với nhau anh chị có tạo lập được các tài sản chung như sau:

- 01 phần đất tại ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang có diện tích ngang 6m, dài 50m, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn V và Nguyễn Thị Hồng N, trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

- 01 phần đất tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nhận chuyển nhượng của ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn V tổng diện tích ngang 30m, dài 67m tổng diện tích là 1.034,2m^2. Tuy nhiên, trong phần đất này quyền sở hữu của anh V chỉ có diện tích ngang 11m, dài 67m, phần còn lại là của 02 người bạn là anh Trần Văn K và Lê Thanh N, phần đất anh V mua là đất trồng cây lâu năm nên diện tích không đủ hạn mức tách thửa, do đó anh V đã rủ anh Trần Văn K và Lê Thanh N mua thêm, nhưng anh đứng tên quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Anh V cho rằng anh chị có nợ như sau:

- Nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại - Sản xuất Tol Sơn Hảo (gọi tắt là công ty Sơn Hảo) số tiền khoảng 220.000.000 đồng.

- Nợ của Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành (gọi tắt là công ty Kim Vĩnh Thành) số tiền 20.215.850 đồng.

- Nợ của cha mẹ vợ là ông Nguyễn Văn H (gọi tắt là ông H) và bà Nguyễn Thị Mỹ H (gọi tắt là bà H) số tiền 150.000.000 đồng.

Nay anh V khởi kiện yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh V yêu cầu được sở hữu toàn bộ phần đất tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo lược đồ đo đạc thực tế có diện tích

ngang 11m dài 70,52m tổng diện tích là 802,7m^2 (trong đó bao gồm cả phần diện tích đất ven sông là 54,5m^2). Đối với phần đất và nhà tại ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang anh V yêu cầu được chia đôi theo quy định với chị N, đồng thời anh V yêu cầu được ưu tiên nhận nhà và đất, anh đồng ý trả ½ giá trị phần đất và nhà theo giá tại chứng thư thẩm định giá ngày 12/7/2021 cho chị N. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

- Về nợ chung: Nếu chị N đồng ý theo yêu cầu chia tài sản của anh V thì anh V đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ cho Công ty Sơn Hảo, Công ty Kim Vĩnh Thành, và số tiền nợ của cha mẹ vợ là ông H, bà H. Còn nếu chị N không đồng ý thì anh V yêu cầu giải quyết chia đôi số tiền nợ mỗi người trả phân nữa.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N (gọi tắt là chị N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N thống nhất với anh V về quan hệ hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị phát sinh từ năm 2018, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cải, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay anh V yêu cầu ly hôn thì chị N cũng đồng ý.

Về con chung: Chị N thống nhất là có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Lan V (nữ), sinh ngày 01/12/2018 đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh Viên cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị N không thừa nhận số tiền nợ của công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành như anh V đã trình bày vì đây là nợ anh V tự mua chị N không biết nên không đồng ý trả đối với các khoản nợ này, chị N thống nhất đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ H với số tiền 150.000.000 đồng, do lúc mua phần đất tại ấp 3, xã Xà Phiên vợ chồng chị N đã nhờ ông H, bà H vay ngân hàng dùm số tiền 200.000.000 đồng để mua đất, nhưng sau đó đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 150.000.000 đồng đến nay, chị N đồng ý chia đôi số tiền nợ này cùng anh V.

Về tài sản chung: Chị N thừa nhận vợ chồng có các tài sản chung là phần đất và nhà tại ấp 4, xã Xà Phiên và phần đất tại ấp 3, xã Xà Phiên như anh V đã trình bày và diện tích đúng như kết quả xem xét thẩm định của Tòa án. Chị N đồng ý giao toàn bộ phần đất tại ấp 3 xã Xà phiên cho anh V sở hữu không yêu cầu chia với điều kiện anh V trả hết toàn bộ số tiền nợ cho cha mẹ chị N là ông H, bà H cùng lãi suất theo quy định của ngân hàng từ ngày 06/10/2021 đến khi trả xong nợ, đối với phần đất và nhà tại ấp 4 xã Xà Phiên chị N đồng ý chia hai theo quy định, nhưng chị N yêu cầu được nhận nhà và đất, trả ½ giá trị nhà và đất theo giá tại chứng thư thẩm định giá ngày 12/7/2021 cho anh V vì căn nhà tại phần đất này là nơi chị N đã mở tiệm làm tóc và Nail khoảng 2 năm nay và là nơi ở duy nhất của chị và con.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H đồng thời là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2020 vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay tiền Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Long Mỹ cho vợ chồng chị N và anh V mượn với số tiền 200.000.000 đồng để sang đất, sau đó anh chị đã trả được 50.000.000 đồng và đóng lãi đến tháng 09/2021, còn lại 150.000.000 đồng và lãi từ ngày 06/10/2021 đến nay. Nay vợ chồng chị N và anh V ly hôn thì ông H, bà H có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu vợ chồng anh V, chị N phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông H, bà H số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với số tiền nợ gốc cần thanh toán theo chứng từ giao dịch từ ngày 06/10/2021 cho đến khi vợ chồng anh V trả hết nợ. Nếu trong trường hợp vợ chồng anh V, chị N thoả thuận để anh V thanh toán số tiền nợ này thì vợ chồng ông H, bà H cũng thống nhất.

Chị Nguyễn Thị Diễm M (gọi tắt là chị M) là người đại diện uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại - Sản xuất Tol Sơn Hảo trình bày:

Công ty Sơn Hảo có thoả thuận với cơ sở của vợ chồng anh V, chị N để bán sắt, nhôm và các vật tư khác từ ngày 01/7/2020 đến 06/10/2020 theo hóa đơn mua bán thể hiện tổng số tiền còn nợ là 238.826.000 đồng, tuy nhiên công ty Sơn Hảo chỉ yêu cầu vợ chồng anh V, chị N trả lại số tiền 220.000.000 đồng, số tiền còn lại công ty Sơn Hảo không yêu cầu. Nay vợ chồng anh V, chị N ly hôn với nhau thì công ty Sơn Hảo có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu vợ chồng anh chị cùng có trách nhiệm trả lại số tiền còn nợ là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nếu trong trường hợp vợ chồng anh V, chị N thoả thuận để anh V trả toàn bộ số nợ này thì công ty Sơn Hảo cũng đồng ý.

Chị Nguyễn Thị Phương C (gọi tắt là chị C) là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn nên công ty Kim Vĩnh Thành có thoả thuận với vợ chồng anh V, chị N để bán tol, sắt, theo hóa đơn thể hiện tính đến ngày 08/9/2020 thì tổng số nợ là 20.215.850 đồng. Kể từ sau ngày 08/9/2020 đến nay thì hai bên cũng có mua bán nhưng anh V đã thanh toán bằng tiền mặt. Nay vợ chồng anh V, chị N ly hôn với nhau thì công ty Kim Vĩnh Thành có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu vợ chồng anh chị cùng có trách nhiệm trả lại số tiền còn nợ là 20.215.850 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nếu trong trường hợp vợ chồng anh V, chị N thoả thuận để anh V trả toàn bộ số nợ này thì công ty Kim Vĩnh Thành cũng đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh N (gọi tắt là anh N) trình bày:

Năm 2020 anh N, anh K và anh V có cùng nhau mua 01 phần đất vườn của ông Nguyễn Văn M tại ấp 3, xã Xà Phiên, diện tích ngang 30m, dài 67m, tổng diện tích là 2010m^2, trong đó diện tích đất anh N nhận chuyển nhượng là ngang 08m, dài 67m, anh K và anh V mỗi người ngang 11m, dài 67m, do không đủ hạn mức tách thửa riêng cho từng người nên anh N và anh K thống nhất để anh V đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện nay, anh N cũng đang làm thủ tục tách quyền sử dụng đất đối với phần đất của anh N ra, nhưng chưa xong. Nay vợ chồng anh V, chị N ly hôn thì phần đất ngang 11m, dài 67m thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh V do vợ chồng anh V tự định đoạt, không liên quan đến anh N, anh N không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn K (gọi tắt là anh K) trình bày:

Năm 2020 anh K, anh N và anh V có cùng nhau mua 01 phần đất vườn của ông Nguyễn Văn M tại ấp 3, xã Xà Phiên, diện tích ngang 30m, dài 67m, tổng diện tích là 2010m^2, trong đó diện tích đất anh N nhận chuyển nhượng là ngang 11m, dài 67m, anh N nhận chuyển nhượng diện tích ngang 08m, dài 67m và anh V nhận chuyển nhượng diện tích ngang 11m, dài 67m, do không đủ hạn mức tách thửa riêng cho từng người nên anh N và anh K thống nhất để anh V đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện nay, anh K cũng đang làm thủ tục tách quyền sử dụng đất đối với phần đất của anh K ra, nhưng chưa xong. Nay vợ chồng anh V, chị N ly hôn thì phần đất ngang 11m, dài 67m thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh V do vợ chồng anh V tự định đoạt, không liên quan đến anh K, anh K không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M (gọi tắt là ông M) trình bày:

Năm 2020 ông M có chuyển nhượng cho vợ chồng anh V, chị N phần đất diện tích ngang 30m, dài 67m với giá tổng số tiền là 1.035.000.000 đồng (tương đương 34.500.000 đồng/1m ngang), vợ chồng anh V đã trả đủ tiền, ông M đã giao đủ đất và hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho anh V. Tuy nhiên, ông M có nghe nói là phần đất này anh V mua hùn với hai người bạn khác là anh N và anh K cụ thể: phần đất của anh V trong số đất này là ngang 11m, anh N ngang 08m, anh K ngang 11m. Lúc anh V trả tiền mua đất cho ông M thì có đủ mặt vợ chồng anh V, anh N và anh K. Nay vợ chồng anh V ly hôn nhau thì ông M không có liên quan gì nữa nên ông không yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, anh V yêu cầu ly hôn với chị N; yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung anh V yêu cầu sở hữu toàn bộ phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên không phải trả giá trị lại cho chị N, còn đối với phần đất và nhà tại ấp 4, xã Xà Phiên anh V thống nhất chia đôi theo quy định với chị N, nhưng anh V yêu cầu được ưu tiên nhận nhà và đất, anh V sẽ trả ½ giá trị phần nhà

và đất theo giá tại chứng thư thẩm định giá ngày 12/7/2021 cho chị N, nếu chị N đồng ý theo yêu cầu chia tài sản của anh V thì anh V đồng ý tự trả toàn bộ số tiền nợ của của ông H, bà H, nợ của công ty Sơn Hảo và nợ của công ty Kim Vĩnh Thành, đồng thời anh V sẽ hỗ trợ thêm cho chị N số tiền 50.000.000 đồng để chị N làm vốn. Còn nếu chị N không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản của anh V thì anh V yêu cầu hội đồng xét xử phân chia tài sản chung và nợ chung theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N thống nhất ly hôn với anh V; con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung chị N không đồng ý theo yêu cầu của anh V, chị N yêu cầu được chia đôi phần căn nhà và đất tại ấp 4, xã Xà Phiên và ưu tiên được nhận nhà và đất, chị N đồng ý trả lại ½ giá trị nhà và đất cho anh V, chị N đồng ý để anh V sở hữu toàn bộ phần đất tại ấp 3, xã Xà Phiên, đồng ý để anh V trả số tiền nợ 150.000.000 đồng của ông H và bà H, chị N không thừa nhận số nợ của công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành vì chị cho rằng đây là nợ riêng của anh V. Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bà H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu anh V và chị N cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 150.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 06/10/2021 đến khi trả hết nợ, nhưng nếu anh V đồng ý tự nguyện trả số tiền nợ thì bà H cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, chị M là người đại diện theo uỷ quyền Công ty Sơn Hảo giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu anh V và chị N cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, nhưng nếu anh V và chị N thỏa thuận để anh V trả toàn bộ số tiền nợ cho Công ty Sơn Hảo thì chị My cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, chị C là người đại diện theo uỷ quyền Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành, giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu anh V và chị N cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 20.215.850 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, nhưng nếu anh V và chị N thỏa thuận để anh V trả toàn bộ số tiền nợ cho Công ty Kim Vĩnh Thành thì chị C cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn K, anh Lê Thanh N và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn với anh V, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N.

Về con chung: Cháu V hiện đang sống với chị N và chị N vẫn đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V rất tốt, hơn nữa cháu V lại là giới tính nữ nên sống với mẹ là phù hợp, ngoài ra chị N có nghề nghiệp là chăm sóc tóc và làm Nail cho giới nữ, đây là môi trường làm việc thiên về tính mỹ thuật, thu nhập ổn định, có điều kiện tốt và

phù hợp để nuôi con chung, nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Chị N thống nhất tài sản chung của vợ chồng anh chị tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân là có 02 phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên và phần đất và nhà tại ấp 4 xã Xà Phiên, khi ly hôn chị N đồng ý chia hai tài sản chung theo quy định, nhưng chị N yêu cầu được ưu tiên sở hữu phần nhà và đất tại ấp 4 xã Xà Phiên, vì đây là nơi chị N đang sinh sống ổn định cùng con và đây cũng là nơi chị N sử dụng làm tiệm chăm sóc tóc và làm Nail từ trước đến nay, chị N đồng ý trả lại ½ giá trị phần nhà và đất cho anh V theo quy định.

Về nợ chung: Chị N thừa nhận đối với khoản tiền nợ của ông H và bà H là 150.000.000 đồng và đồng ý chia hai khoản nợ này với anh V để trả cho ông H, bà H. Chị N không thừa nhận đối với khoản tiền nợ của công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành vì cho rằng lúc mua phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên đã chuẩn bị đủ tiền nên việc lấy tiền vốn mua hàng của hai công ty này để mua đất là không đúng, hơn nữa cửa hàng gia công nhôm sắt của anh V bắt đầu hoạt động từ năm 2011 đến nay, anh V là người trực tiếp giao dịch mua bán, chị N hoàn toàn không biết về công việc của anh V và cũng không biết về số tiền nợ này, đây là nợ riêng của anh V nên chị N không đồng ý trả các khoản nợ này cùng anh V. Đề nghị hội đồng xét xử buộc anh V tự có trách nhiệm trả nợ cho công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh V và chị N.

Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N, cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Lan V (nữ), sinh ngày 01/12/2018. Buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh V theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh V và chị N cùng thống nhất vợ chồng có các tài sản chung là phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên và phần nhà và đất tại ấp 4 xã Xà Phiên. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh V. Giao cho anh V được quyền sở hữu phần đất có diện tích 802,2m^2 nằm tại một phần thửa 2261, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, buộc anh V trả lại ½ giá trị phần đất cho chị N theo quy định. Giao cho chị N được quyền sở hữu phần nhà và đất có diện tích 300m^2 nằm tại thửa 1905, tờ bản đồn số 04, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Xà Phiên, buộc chị N trả lại ½ giá trị phần đất và nhà cho anh V theo quy định.

Về nợ chung: Anh V và chị N cùng thống nhất trả nợ cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với số tiền vốn 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ 06/10/2021 đến khi anh V và chị N trả tất toán nợ theo mức lãi suất vay ngân hàng nông nghiệp mà ông H và bà H đã ký hợp đồng tín dụng để vay tiền dùm cho anh V và chị N, nên đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với số tiền nợ này. Đối với số tiền nợ của công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành là nợ chung của anh V và chị N nên đề nghị hội đồng xét xử buộc anh V và chị N cùng có trách nhiệm trả cho Công ty Sơn Hảo số tiền 220.000.000 đồng và trả cho Công ty Kim Vĩnh Thành số tiền 20.215.850 đồng. Công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh V và chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn và bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn anh Phạm Văn V khởi kiện đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N để yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh V, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 anh V và chị N tự nguyện kết hôn với nhau và đến năm 2017 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, chị N tự thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh V, nên chị N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Lan V (giới tính: nữ), sinh ngày 01/12/2018, hiện nay cháu V đang sống chung với chị N, khi ly hôn anh V và chị N đều có yêu cầu được nuôi cháu V. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh V và chị N thấy rằng:

Về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Theo kết quả xác minh của Tòa án thì hiện nay anh V làm nghề gia công sắt, nhôm thu nhập mỗi tháng sau khi trừ chi phí còn lại khoảng 10.000.000 đồng, chị N làm nghề chăm sóc tóc và Nail thu nhập ổn định. Như vậy, cho thấy anh V và chị N cả hai đều có công việc tạo ra thu nhập, hơn nữa nghề nghiệp của anh chị là làm việc tại nhà nên anh chị đều có điều kiện về kinh tế và thời gian để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được tốt. Tuy nhiên, thì từ khi sinh ra thì cháu V sống chung với vợ chồng anh chị, nhưng từ khi vợ chồng anh chị ly thân không còn sống chung với nhau đến nay thì cháu V sống với chị N, chị N vẫn đang chăm sóc tốt cho cháu V, mặc khác cháu V là nữ giới nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Nguyễn Lan V (giới tính: nữ), sinh ngày 01/12/2018 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Phạm Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Căn cứ tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con."*. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Nguyễn Lan V mỗi tháng 745.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Lan V tròn 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh V và chị N cùng thống nhất vợ chồng anh chị có tài sản chung là phần đất diện tích 802,2m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tại một phần thửa 2261, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên (gọi tắt là phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên) và phần đất diện tích 300m^2, loại đất ONT, tại thửa 1905, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Xà Phiên (gọi tắt là phần đất tại ấp 4 xã Xà Phiên), trên đất có xây dựng căn nhà tiền chế. Anh V và chị N đều thống nhất chia đôi tài sản chung theo quy định, nhưng anh V và chị N đều có yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất và nhà tại ấp 4 xã Xà Phiên và trả lại ½ giá trị tương ứng. Theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn sẽ được chia đôi và chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị. Đối chiếu các quy định trên thì yêu cầu chia tài sản của anh chị là chính đáng, nhưng để xem xét phân chia tài sản chung là nhà và đất bằng hiện vật hay giá trị thì hội đồng xét xử cần xem xét một cách hợp lý đến tình hình tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên, nhu cầu sử dụng thực tế của anh V và chị N, đồng thời bảo vệ về lợi ích của sản xuất

và lợi ích về nghề nghiệp của mỗi bên, đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên không có khả năng lao động được và không có tài sản tự nuôi mình.

Do đó, hội đồng xét xử nhận thấy: Từ trước khi ly hôn thì chị N vẫn ở tại căn nhà trên phần đất tại ấp 4 xã Xà Phiên cùng với cháu V, và đây cũng là nơi ở và là nơi dùng làm địa điểm để chị N mở tiệm chăm sóc tóc và Nail mấy năm nay, còn anh V thì không sống tại căn nhà trên mà anh V đã thuê được nơi ở khác để tiếp tục hoạt động gia công nhôm, sắt và hiện tại cuộc sống của anh V và chị N đã ổn định. Vì vậy, hội đồng xét xử thống nhất giao phần đất tại ấp 4 xã Xà Phiên và căn nhà trên đất cho chị N được sở hữu nhằm để đảm bảo điều kiện cho hoạt động nghề nghiệp của chị N cũng như điều kiện sinh sống ổn định của cháu V, đồng thời buộc chị N trả ½ giá trị nhà và đất lại cho anh V cụ thể theo chứng thư thẩm định giá số 150/BĐS ngày 12/7/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thống nhất xác định tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá trị là 778.343.925 đồng, chị N được sở hữu toàn bộ phần tài sản nêu trên, chị N có nghĩa vụ trả lại ½ giá trị cho anh V với số tiền là 389.171.962 đồng. Giao phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên cho anh V được sở hữu, buộc anh V trả ½ giá trị đất lại cho chị N cụ thể theo chứng thư thẩm định giá số 150/BĐS ngày 12/7/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thống nhất xác định tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá trị là 373.777.800 đồng, anh V được sở hữu toàn bộ phần tài tài sản nêu trên, anh V có nghĩa vụ trả lại ½ giá trị cho chị N với số tiền là 186.888.900 đồng (có lược đồ đo vẽ đối với 02 phần đất kèm theo).

[2.4]. Về nợ chung: Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H, Công ty Sơn Hảo và Công ty Kim Vĩnh Thành hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh V và chị N thống nhất đối với số tiền nợ của ông H, bà H là 150.000.000 đồng, anh V, chị N không thống nhất số tiền nợ của công ty Sơn Hảo là 220.000.000 đồng và công ty Kim Vĩnh Thành là 20.215.850 đồng, chị N cho rằng hai khoản nợ này là nợ riêng của anh V, chị N không biết nên không đồng ý trả. Qua ý kiến trình bày tranh luận của anh V, chị N và quan điểm bảo vệ của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị N tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận thấy: Tất cả các khoản nợ trên đều phát sinh trong năm 2020 khi anh V và chị N mua phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên. Ngoài ra, theo các tài liệu mà công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành cung cấp thì các hóa đơn mua hàng mà anh V còn nợ lại công ty Sơn Hảo được thể hiện trong khoảng thời gian từ 01/7/2020 đến 06/10/2020, nợ của công ty Kim Vĩnh Thành thể hiện vào ngày 08/8/2020 và ngày 08/9/2020 trong thời điểm anh chị mua phần đất tại ấp 3 xã Xà Phiên và cũng không có khoản nợ nào phát sinh sau thời điểm anh chị ly thân là tháng 11/2020, do đó các khoản nợ đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh chị còn tồn tại, chưa phát sinh mâu thuẩn.

Bên cạnh đó, lúc anh chị còn sống chung với nhau thì căn nhà được anh chị sử dụng phân nữa làm cửa hàng gia công nhôm sắt của anh V, phân nữa làm tiệm chăm sóc tóc và Nail của chị N, theo công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành trình bày thì khi anh V mua hàng thì công ty giao hàng tại nhà của anh chị, có khi chị N là người nhận hàng, đối với số tiền nợ của công ty Kim Vĩnh Thành là do anh V mua vật tư để sử dụng cho việc ngăn vách làm tiệm chăm sóc tóc và Nail của chị N, nên việc chị N cho rằng số tiền nợ của công ty Sơn Hảo và công ty Kim Vĩnh Thành chị N không hay biết là không đúng với thực tế. Theo quy định thì nợ chung của vợ chồng phát sinh không nhất thiết phải cần hai bên cùng thỏa thuận xác lập mà có thể do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy số tiền nợ của ông H và bà H, công ty Kim Vĩnh Thành, công ty Sơn Hảo được xác định là nợ chung của vợ chồng anh V và chị N, vì vậy anh V và chị N phải cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên.

Do đó, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H yêu cầu anh V và chị N có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất theo chứng từ giao dịch ngày 06/10/2021 là 7.939.725 đồng, Công ty Sơn Hảo yêu cầu anh V và chị N có nghĩa vụ trả số tiền 220.000.000 đồng và Công ty Kim Vĩnh Thành yêu cầu anh V và chị N có nghĩa vụ trả số tiền 20.215.850 đồng là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh V và chị N mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên theo quy định.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các quy định pháp luật hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên và chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3.1]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006637 lập ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

[3.2]. Về án phí chia tài sản chung: Buộc anh V và chị N có nghĩa vụ nộp án phí giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được sở hữu. Tổng giá trị tài sản mà anh V và chị N được sở hữu mỗi người là 576.060.800 đồng (năm trăm bảy mươi sáu triệu không trăm sáu mươi ngàn tám trăm đồng). Án phí được tính như sau: 20.000.000 đồng + (4% x giá trị tài sản vượt 400.000.000 đồng). Như vậy, số tiền án phí chia tài sản chung anh V và chị N mỗi người phải nộp là 27.042.432 đồng (hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi hai đồng).

[3.3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh V và chị N có nghĩa vụ mỗi người phải nộp 5% tiền án phí giá ngạch trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 199.077.888 đồng x 5% = 9.953.894 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi ba ngàn tám trăm chín mươi bốn đồng). Như vậy, anh V và chị N mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 9.953.894 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi ba ngàn tám trăm chín mươi bốn đồng). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ H; Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - sản xuất Tol Sơn Hảo; Công ty cổ phần thép Kim Vĩnh Thành được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[3.4]. Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Văn V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[3.5]. Về chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, phí trích lục hồ sơ, cho phí thẩm định giá là 10.098.000 đồng nên anh V và chị N mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng này là 5.049.000 đồng, anh Viên và chị Nguyên đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 430, Điều 463 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 37; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 62; Điều 59; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Phạm Văn V và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Lan V (giới tính: nữ), sinh ngày 01/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu V đang sống chung với chị N. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phạm Văn V không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Phạm Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Lan V (nữ), sinh ngày 01/12/2018 mỗi tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn

mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Lan V tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/01/2022).

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng N

- Anh Phạm Văn V được sở hữu phần đất (tại vị trí II và V) có diện tích 802,7m^2 nằm tại một phần thửa 2261 (trong đó phần đất tại vị trí II có diện tích 748,2m^2, phần đất ven kênh tại vị trí V có diện tích 54.5m^2), tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04317 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang cấp cho anh Phạm Văn V ngày 29/12/2020, có các tứ cạnh như sau: Ngang trước giáp đường tỉnh 930B là 11m; ngang sau giáp Kênh Thuỷ lợi là 11m; Dài giáp phần đất ông Lê Thanh N đang quản lý (vị trí I) là 4,73m + 65,79m; Dài giáp phần đất anh Trần Văn K đang quản lý (vị trí III) là 4,74m + 65,02m *(kèm theo lược đồ đo đạc ngày 11/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc Tài Nguyên và Môi trường Sông Hậu).*

Ngoài ra, anh Phạm Văn V còn được sỡ hữu toàn bộ cây trồng trên đất như Chuối, Bình bát và Mãng cầu xiêm.

- Chị Nguyễn Thị Hồng N được sở hữu phần đất có diện tích 300m^2 (trong đó có 9m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn lộ nhựa), loại đất CLN nằm tại thửa 1905, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03407 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang cấp cho anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng N ngày 15/11/2017, có các tứ cạnh như sau: Ngang trước giáp lộ nhựa là 6m; Ngang sau giáp thửa 1809 là 6m; Dài giáp thửa 1906 là 1,5m + 23,07m + 8,10m + 17,33m; Dài giáp thửa 1681 là 1,5m + 23,07m + 8,10m + 17,33m *(kèm theo lược đồ đo đạc ngày 11/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc Tài Nguyên và Môi trường Sông Hậu).*

Ngoài ra, chị N được sở hữu phần công trình xây dựng trên đất tại ấp 4 xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cụ thể: 01 (một) nhà chính: diện tích ngang 6m, dài 24,45m; Kết cấu khung cột thép tiền chế, vách xây tường lững cao 0,97m, phần còn lại vách tol, mái lợp tol, nền láng xi măng (trong đó có diện tích 2,75m x 13,6m nền lót gạch Cemic). 01 (một) nhà phụ: diện tích 6m x 0,81m; kết cấu khung cột thép tiền chế, mái lợp tol, vách tol, nền láng xi măng. 01 (một) mái che: diện tích 1,65m x 6m; kết cấu khung cột thép tiền chế, mái lợp tol, nền láng xi măng.

Anh Phạm Văn V có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch của tài sản được phân chia cho chị Nguyễn Thị Hồng N với số tiền là 186.888.900 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệnh của tài sản được phân chia cho anh Phạm Văn V với số tiền 389.171.962 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng).

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H đối với anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại - Sản xuất Tol Sơn Hảo và Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành đối với anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

- Buộc anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H số tiền 78.969.963 đồng (trong đó vốn là 75.000.000 đồng và lãi là 3.969.963 đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H số tiền 78.969.963 đồng (trong đó vốn là 75.000.000 đồng và lãi là 3.969.963 đồng), đồng thời anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng N còn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H với mức lãi suất được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng ngày 22/04/2020 mà ông H, bà H đã ký với ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ tương ứng với số tiền nợ gốc cần thanh toán cho đến khi anh V và chị N trả tất nợ.

- Buộc anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại - Sản xuất Tol Sơn Hảo số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại - Sản xuất Tol Sơn Hảo số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), Công ty Sơn Hảo không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

- Buộc anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành số tiền 10.107.925 đồng (mười triệu một trăm lẻ bảy ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Thép Kim Vĩnh Thành số tiền 10.107.925 đồng (mười triệu một trăm lẻ bảy ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng), Công ty Kim Vĩnh Thành không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006637 lập ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6.2. Về án phí chia tài sản chung:

Buộc anh Phạm Văn V có nghĩa vụ nộp án phí chia tài sản chung với số tiền là 27.042.432 đồng (hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi hai đồng). Anh V được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo lai thu số 0006694 lập ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí, anh V còn phải tiếp tục nộp án phí chia tài sản chung với số tiền là 23.917.432 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn bốn trăm ba mươi hai đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ nộp án phí chia tài sản chung với số tiền là 27.042.432 đồng (hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi hai đồng). Chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo lai thu số 0006693 lập ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí, chị N còn phải tiếp tục nộp án phí chia tài sản chung với số tiền là 23.917.432 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn bốn trăm ba mươi hai đồng).

6.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng N mỗi người phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 9.953.894 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi ba ngàn tám trăm chín mươi bốn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo lai thu số 0006692 lập ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần thép Kim Vĩnh Thành được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 505.000 đồng (năm trăm năm lẻ năm ngàn đồng) theo lai thu số 0006033 lập ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - sản xuất Tol Sơn Hảo được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0006047 lập ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6.4. Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Văn V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6.5. Về chi phí tố tụng khác: Anh V và chị N mỗi người phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 5.049.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng), đã nộp xong.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Xà Phiên;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Ngoan